

Số: 63/2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật
trong lĩnh vực giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, trang phục, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, nội dung, trình tự kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là cán bộ Cảnh sát giao thông) làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt (sau đây viết gọn là kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm); lực lượng khác trong Công an nhân dân có liên quan.

2. Công an các đơn vị, địa phương.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt của Cảnh sát giao thông.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt

1. Tuân thủ quy định của Luật Đường sắt năm 2017, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được phân công theo quy định, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát đã được cấp có thẩm quyền ban hành; thực hiện dân chủ trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; quy tắc ứng xử và Điều lệnh Công an nhân dân.

3. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt và hành vi vi phạm pháp luật khác theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRANG PHỤC, TRANG BỊ CỦA CẢNH SÁT GIAO THÔNG; NỘI DUNG, TRÌNH TỰ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CẢNH SÁT GIAO THÔNG TRONG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 4. Nhiệm vụ của Cảnh sát giao thông trong kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

1. Thực hiện mệnh lệnh, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi tuyến đường, địa bàn được phân công.

3. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt, vi phạm pháp luật khác và bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định; phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

4. Phối hợp điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

5. Trực tiếp, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên các tuyến giao thông đường sắt. Tham gia phòng, chống khủng bố, chống biểu tình gây rối; phòng, chống dịch bệnh, thiên tai; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ trên các tuyến giao thông đường sắt theo quy định.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động đường sắt.

7. Giúp đỡ, hỗ trợ người tham gia giao thông đường sắt khi cần thiết.

8. Thông qua công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm thực hiện các nhiệm vụ:

a) Phát hiện những sơ hở, thiếu sót, bất cập trong quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt để báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền kiến nghị với cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục kịp thời;

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt và chấp hành pháp luật về giao thông đường sắt.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác của lực lượng Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền hạn của Cảnh sát giao thông trong kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

1. Kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện giao thông có liên quan đến hoạt động giao thông đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt năm 2017 và pháp luật có liên quan.

2. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt, các hành vi vi phạm pháp luật khác và bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định.

3. Trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, cán bộ Cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát được huy động phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đang điều khiển, sử dụng phương tiện đó theo quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Việc huy động được thực hiện dưới hình thức yêu cầu trực tiếp hoặc bằng văn bản.

4. Được trang bị, sử dụng phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ; phương tiện thông tin liên lạc; phương tiện kỹ thuật khác theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024; quy định khác của pháp luật có liên quan và của Bộ Công an.

5. Thực hiện các quyền hạn khác của lực lượng Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRANG PHỤC, TRANG BỊ VÀ VŨ KHÍ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ CỦA CẢNH SÁT GIAO THÔNG KHI KIỂM TRA, KIỂM SOÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 6. Trang phục của Cảnh sát giao thông khi kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

1. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, cán bộ Cảnh sát giao thông sử dụng trang phục Cảnh sát, đeo dây lưng chéo theo quy định.

Trường hợp kiểm tra, kiểm soát thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, được bố trí một bộ phận Cảnh sát giao thông mặc thường phục.

2. Nhiệm vụ của cán bộ Cảnh sát giao thông mặc thường phục

a) Vận hành, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, giám sát tình hình trật tự, an toàn giao thông, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt và hành vi vi phạm pháp luật khác. Khi phát hiện vi phạm phải thông báo ngay cho bộ phận cán bộ kiểm tra, kiểm soát công khai (mặc trang phục Cảnh sát) để tiến hành kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm;

b) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm nghiêm trọng về giao thông đường sắt, an ninh, trật tự xã hội, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, làm thiệt hại đến tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của người tham gia giao thông thì sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân để thông báo, vận động Nhân dân phối hợp, ngăn chặn ngay hành vi vi phạm; thông báo và phối hợp với bộ phận cán bộ kiểm tra, kiểm soát công khai, lực lượng có liên quan để giải quyết tại nơi phát hiện vi phạm hoặc đưa đối tượng vi phạm về trụ sở cơ quan Công an nơi gần nhất để giải quyết.

3. Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt thuộc Cục Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt), Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Trưởng Công an cấp huyện) trở lên quyết định việc mặc trang phục Cảnh sát hoặc thường phục khi sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và phải ghi rõ trong kế hoạch kiểm tra, kiểm soát.

Điều 7. Trang bị phương tiện giao thông đường bộ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và vũ khí, công cụ hỗ trợ

1. Phương tiện giao thông đường bộ được trang bị, gồm: Xe ô tô, mô tô; xe chuyên dùng có lắp đặt đèn, còi phát tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật và hình thức như sau:

a) Xe ô tô: Hai bên thành xe có dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” bằng chất liệu phản quang, kích thước chữ 10cm x 10cm, nét chữ 03cm, cân đối hai bên thành xe; hai bên cánh cửa phía trước có dòng chữ “TRAFFIC POLICE” bằng chất liệu phản quang, kích thước khổ chữ tối đa bằng hai phần ba khổ chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” và hình phù hiệu Cảnh sát giao thông ở giữa hai chữ “TRAFFIC” và “POLICE”. Tùy từng loại xe, màu sơn của xe được bố trí khoảng cách giữa các chữ, các từ, màu của chữ trắng hoặc xanh cho cân đối và phù hợp;

b) Xe mô tô: Hai bên bình xăng hoặc hai bên sườn hoặc ở hai bên cốp xe, bên trên có dòng chữ “C.S.G.T”, bên dưới có dòng chữ “TRAFFIC POLICE” bằng chất liệu phản quang; kích thước khổ chữ “TRAFFIC POLICE” tối đa bằng

hai phần ba khổ chữ “C.S.G.T”. Tùy từng loại xe, màu sơn của xe, được bố trí kích thước chữ, khoảng cách giữa các chữ, màu của chữ trắng hoặc xanh cho cân đối và phù hợp;

c) Xe chuyên dùng: Hai bên thành thùng hoặc sườn xe có dòng chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” bằng chất liệu phản quang, kích thước chữ 10cm x 10cm, nét chữ 03cm; hai bên cánh cửa phía trước có dòng chữ “TRAFFIC POLICE” bằng chất liệu phản quang, kích thước khổ chữ tối đa bằng hai phần ba khổ chữ “CẢNH SÁT GIAO THÔNG” và hình phù hiệu Cảnh sát giao thông ở giữa hai chữ “TRAFFIC” và “POLICE”. Tùy từng loại xe, màu sơn của xe được bố trí khoảng cách giữa các chữ, các từ, màu của chữ trắng hoặc xanh cho cân đối và phù hợp.

2. Vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị, gồm: Súng, bình xịt cay, dùi cui điện, áo giáp, khóa số 8, gậy chỉ huy giao thông.

3. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được trang bị, sử dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 135/2021/NĐ-CP) và tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Bộ Công an.

4. Phương tiện thông tin liên lạc, gồm: Bộ đàm, điện thoại, máy fax, máy tính, máy in.

5. Còi, loa, rào chắn, cọc tiêu hình chóp nón, biển báo hiệu, dây căng, đèn chiếu sáng (khi cần thiết).

6. Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ khác được trang bị theo quy định của pháp luật và Bộ Công an.

Mục 3

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 8. Ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông tham mưu với Bộ trưởng Bộ Công an ban hành kế hoạch hoặc trực tiếp ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt trong phạm vi toàn quốc.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Giám đốc Công an cấp tỉnh) ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử

lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt trong phạm vi địa giới hành chính cấp tỉnh.

3. Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông; Trưởng Công an cấp huyện ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt trong phạm vi tuyến, địa bàn được phân công, phân cấp theo quy định của Bộ Công an.

4. Đội trưởng các Đội: Đội Cảnh sát giao thông đường sắt; Đội Cảnh sát giao thông; Đội Cảnh sát giao thông - trật tự; Trạm Cảnh sát giao thông tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt cho các Tổ Cảnh sát giao thông trực thuộc (theo mẫu quy định của Bộ Công an).

5. Công an các đơn vị, địa phương đã được trang bị cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động kiểm tra, kiểm soát thì thực hiện việc xây dựng, phê duyệt và lưu trữ các kế hoạch trên môi trường điện tử.

Điều 9. Triển khai kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt

1. Tổ trưởng Tổ Cảnh sát giao thông: Trước khi thực hiện kế hoạch, Tổ trưởng phải phổ biến, quán triệt cho các Tổ viên về nội dung kế hoạch và những nội dung khác có liên quan; kiểm tra công tác chuẩn bị phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm; điểm danh quân số; kiểm tra trang phục; Giấy chứng minh Công an nhân dân (khi bố trí cán bộ mặc thường phục); điều lệnh Công an nhân dân; phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ; các biểu mẫu có liên quan và phương tiện kỹ thuật khác; nhắc lại vị trí công tác, nhiệm vụ của từng Tổ viên; phát lệnh thực hiện nhiệm vụ khi các điều kiện đã bảo đảm đầy đủ theo yêu cầu và an toàn.

2. Tổ viên: Nắm vững nội dung kế hoạch, nhiệm vụ, hình thức thông tin liên lạc; chủ động thực hiện công tác chuẩn bị theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ; phương tiện kỹ thuật khác trang bị cho Tổ Cảnh sát giao thông phải được quản lý, sử dụng theo quy định; được thống kê cụ thể trong Sổ giao nhận và sử dụng phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ (theo mẫu quy định của Bộ Công an).

Điều 10. Tiến hành kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

1. Khi kiểm tra, kiểm soát người tham gia giao thông đường sắt, nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát thực hiện như sau:

a) Thực hiện chào theo Điều lệnh Công an nhân dân (trừ trường hợp biết trước người đó thực hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm, phạm tội quả tang, đang bị truy nã, truy tìm). Khi tiếp xúc với người có hành vi vi phạm pháp luật, cán bộ Cảnh sát giao thông phải giữ đúng tư thế, lễ tiết, tác phong, có thái độ ứng xử đúng mực;

b) Thông báo cho người bị kiểm tra, kiểm soát biết lý do kiểm tra, kiểm soát; đề nghị xuất trình các giấy tờ có liên quan theo quy định để kiểm tra, kiểm soát.

Trường hợp người bị kiểm tra, kiểm soát xuất trình bản giấy các giấy tờ thì kiểm tra, đối chiếu trực tiếp các giấy tờ đó và thực hiện tra cứu thông tin liên quan đến giấy tờ đó trong cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông, cơ sở dữ liệu khác;

Trường hợp người bị kiểm tra, kiểm soát xuất trình thông tin của các giấy tờ đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu và có giá trị như kiểm tra trực tiếp giấy tờ đó.

2. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát các nội dung theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3. Kết thúc kiểm tra, kiểm soát, cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo Tổ trưởng về kết quả kiểm tra, kiểm soát; thông báo cho người bị kiểm tra, kiểm soát và người có liên quan biết kết quả kiểm tra, kiểm soát, hành vi vi phạm (nếu có) và biện pháp xử lý.

4. Khi có căn cứ cho rằng trong người tham gia giao thông, phương tiện vận tải, đồ vật có cất giấu tang vật, phương tiện, tài liệu được sử dụng để vi phạm hành chính thì được khám người, khám phương tiện vận tải, đồ vật theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Điều 11. Nội dung kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

Nội dung kiểm tra, kiểm soát thực hiện theo quy định của Luật Đường sắt năm 2017; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng và quy định sau đây:

1. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về tín hiệu, quy tắc giao thông đường sắt.

2. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

3. Kiểm tra, kiểm soát về điều kiện tham gia giao thông của phương tiện giao thông đường sắt, thông tin chỉ dẫn, trang thiết bị phục vụ hành khách, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt.

4. Kiểm tra, kiểm soát về điều kiện quy định đối với nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu khi làm việc.

5. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt của nhân viên đường sắt khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

6. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy tắc giao thông tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu chung đường bộ với đường sắt, hầm đường sắt và trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt.

7. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông trên các tuyến đường sắt của các tổ chức, cá nhân.

8. Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định về vận tải hành khách, hành lý và hàng hóa trên đường sắt; chấp hành quy định về tải trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.

Điều 12. Phát hiện vi phạm hành chính thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Cán bộ Cảnh sát giao thông sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, thu thập hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

2. Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ là bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; được thống kê, lập danh sách, in thành bản ảnh hoặc bản ghi thu về hành vi vi phạm và lưu trữ trong hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an về công tác hồ sơ.

3. Khi phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phát hiện, thu thập được thông tin, hình ảnh về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt, người có thẩm quyền xử phạt thực hiện như sau:

a) Tổ chức lực lượng kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo quy định. Trường hợp người vi phạm đề nghị được xem thông tin, hình ảnh, kết quả thu thập được về hành vi vi phạm, Tổ Cảnh sát giao thông cho xem tại nơi kiểm tra, kiểm soát; nếu chưa có thông tin, hình ảnh, kết quả tại nơi kiểm tra, kiểm soát thì hướng dẫn người vi phạm xem khi đến xử lý vi phạm tại trụ sở đơn vị;

b) Trường hợp chưa thực hiện được việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

Điều 13. Xử lý vi phạm; phối hợp điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt trong quá trình kiểm tra, kiểm soát

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong quá trình kiểm tra, kiểm soát thuộc lĩnh vực quản lý, cán bộ đang thi hành nhiệm vụ phải kịp thời buộc chấm dứt hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

2. Trường hợp cần ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm cho việc xử lý vi phạm hành chính, Tổ trưởng Tổ Cảnh sát giao thông xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trường hợp cần thiết thì đề nghị lực lượng chức năng có liên quan phối hợp thực hiện. Việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính không được làm ảnh hưởng đến công tác chạy tàu.

3. Trường hợp các giấy tờ có liên quan đến người và phương tiện giao thông đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý, thì khi áp dụng biện pháp tạm giữ giấy tờ, người có thẩm quyền tạm giữ thực hiện việc tạm giữ giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ giấy tờ đó vào cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia để người vi phạm biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường sắt, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm.

Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ, trả lại giấy tờ được thực hiện theo biểu mẫu quy định của pháp luật và có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.

4. Biên bản vi phạm hành chính được lập bằng mẫu in sẵn hoặc lập trên cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính; đề nghị người vi phạm cung cấp số điện thoại liên hệ (nếu có) để nhận thông tin xử phạt thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an (sau đây viết gọn là Cổng dịch vụ công). Việc giao biên bản vi phạm hành chính cho người vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sau đây viết gọn là Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

5. Thực hiện xử phạt vi phạm quy định về quy tắc giao thông nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, cầu chung đường bộ với đường sắt và trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt:

a) Việc xử phạt vi phạm đối với người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ vi phạm tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt được thực hiện theo quy trình tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

b) Việc xử phạt vi phạm đối với nhân viên đường sắt và các đối tượng vi phạm có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Phối hợp điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

Tổ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát phát hiện vụ tai nạn giao thông đường sắt hoặc được lãnh đạo đơn vị phân công đến hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt, phải khẩn trương triển khai lực lượng có mặt tại hiện trường và thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công đến hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt theo quy định của Bộ Công an về phân công trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông và Quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường sắt của lực lượng Cảnh sát giao thông.

Điều 14. Ghi Sổ kế hoạch và nhật ký kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

1. Khi giải quyết xong từng vụ việc phải ghi ngay vào Sổ kế hoạch và nhật ký kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt theo mẫu quy định của Bộ Công an (ghi ngắn gọn, rõ ràng và liên tục theo thứ tự thời gian).

2. Đối với vụ việc vi phạm: Ghi rõ thời gian (giờ, phút, ngày); địa điểm (lý trình, địa danh, tuyến, địa bàn); kiểm tra phương tiện giao thông, biển số, số đăng ký; đối tượng bị kiểm tra; hành vi vi phạm; biện pháp xử lý của Cảnh sát giao thông, gồm: Nhắc nhở, quyết định xử phạt cảnh cáo, phạt tiền (ghi rõ số quyết định), biên bản vi phạm hành chính đã lập (ghi rõ số biên bản), các biện pháp ngăn chặn, biện pháp khác được áp dụng.

3. Các vụ tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, hoạt động tội phạm và các vụ việc khác: Ghi rõ thời gian (giờ, phút, ngày), địa điểm (lý trình, địa danh, tuyến, địa bàn) xảy ra vụ việc; tóm tắt vụ việc; kết quả giải quyết; lực lượng phối hợp (nếu có).

Điều 15. Kết thúc kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt

Khi kết thúc thời gian kiểm tra, kiểm soát, Tổ Cảnh sát giao thông phải thực hiện những công việc sau:

1. Tổ trưởng tổ chức họp Tổ để rút kinh nghiệm, nhận xét, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, đề xuất ý kiến, ghi vào nhật ký trong Sổ kế hoạch và nhật ký kiểm tra, kiểm soát giao thông đường sắt về tình hình trật tự, an toàn giao thông đường sắt, kết quả kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm, những vấn đề khác có liên quan, đề xuất, kiến nghị và ký xác nhận.

2. Báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, kiểm soát của Tổ.

3. Bàn giao cho cán bộ quản lý của đơn vị: Hồ sơ các vụ việc vi phạm hành chính, các giấy tờ, tài liệu có liên quan; tang vật, phương tiện bị tạm giữ; tiền phạt tại chỗ; các tài liệu, hình ảnh thu thập được bằng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc các phương tiện khác; phương tiện giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; vũ khí, công cụ hỗ trợ và các trang thiết bị khác. Việc bàn giao phải ghi vào sổ theo mẫu quy định của Bộ Công an, người bàn giao và người tiếp nhận có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị về việc giao nhận trên.

Mục 4

GIẢI QUYẾT, XỬ LÝ VI PHẠM TẠI TRỤ SỞ ĐƠN VỊ

Điều 16. Bố trí cán bộ và địa điểm giải quyết, xử lý vi phạm

1. Công an các đơn vị, địa phương bố trí cán bộ và địa điểm giải quyết, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

2. Địa điểm giải quyết vi phạm bố trí ở vị trí thuận lợi, có diện tích phù hợp, trang nghiêm, có chỗ ngồi cho người đến liên hệ giải quyết; niêm yết sơ đồ chỉ dẫn nơi làm việc, lịch tiếp công dân; biển chức danh của cán bộ làm nhiệm vụ; số điện thoại; nội quy tiếp công dân; hòm thư góp ý và nội dung một số văn bản có liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường sắt.

Điều 17. Trình tự giải quyết, xử lý vi phạm

1. Khi người vi phạm đến giải quyết vi phạm, thực hiện như sau:

a) Tiếp nhận biên bản vi phạm hành chính từ người vi phạm và đối chiếu với hồ sơ vi phạm (trường hợp làm mất biên bản vi phạm hành chính, phải đối chiếu kỹ thông tin về nhân thân của người vi phạm với hồ sơ vi phạm); không giải quyết vụ việc đối với người trung gian (trừ trường hợp được ủy quyền theo quy định của pháp luật) hoặc ngoài vị trí quy định giải quyết vi phạm hành chính của đơn vị. Đối với vụ việc cần xác minh làm rõ, thì báo cáo đề xuất người có thẩm quyền tổ chức xác minh;

b) Thông báo hình thức, mức xử phạt, biện pháp ngăn chặn, biện pháp khác, kết quả thu thập được hành vi vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định.

Trường hợp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì khi áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền thực hiện việc tước giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó trên cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để người vi phạm biết, chấp hành theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường sắt, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm;

c) Giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho người bị xử phạt hoặc người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người bị xử phạt;

d) Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu biên lai thu tiền phạt (hoặc chứng từ thu, nộp tiền phạt khác theo quy định của pháp luật) với hồ sơ vi phạm hành chính và lưu hồ sơ;

đ) Trả lại tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ, tước quyền sử dụng theo thủ tục hành chính cho người bị xử phạt. Trường hợp giấy tờ đó có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì người có thẩm quyền ra quyết định, lập biên bản trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt; đồng thời thực hiện cập nhật vào cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính để đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý về việc gỡ bỏ nội dung thông tin bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy tờ đó;

e) Trường hợp giải quyết vụ việc theo thông báo vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường sắt: Kiểm tra, đối chiếu các thông tin trên giấy thông báo, giấy tờ tùy thân của người vi phạm; cho người vi phạm xem kết quả thu thập được hành vi vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện xử lý vi phạm theo quy định.

2. Trường hợp người vi phạm thực hiện việc nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính qua Cổng dịch vụ công

a) Người có thẩm quyền xử phạt gửi thông tin xử phạt lên Cổng dịch vụ công; Cổng dịch vụ công tự động thông báo cho người vi phạm tra cứu thông tin quyết định xử phạt vi phạm hành chính thông qua số điện thoại người vi phạm đã cung cấp cho cơ quan Công an tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính;

b) Người vi phạm truy cập vào Cổng dịch vụ công thông qua số quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được thông báo hoặc số biên bản vi phạm hành chính để tra cứu thông tin quyết định xử phạt vi phạm hành chính; nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính, đăng ký nhận lại giấy tờ bị tạm giữ qua dịch vụ bưu chính công ích;

c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống Cổng dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý theo quy định tại điểm d khoản này;

d) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trả lại giấy tờ bị tạm giữ, bị tước (khi hết thời hạn tước quyền sử dụng) cho người vi phạm qua dịch vụ bưu chính công ích. Trường hợp giấy tờ đó có thông tin về việc bị tạm giữ, tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý thì cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy tờ đó.

3. Trường hợp người vi phạm thực hiện nộp phạt vi phạm hành chính thông qua dịch vụ bưu chính công ích thì thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện khi đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

Điều 18. Trình tự xử lý kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với trường hợp vi phạm nhưng chưa thực hiện được việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính thực hiện như sau:

a) Xác định thông tin về phương tiện, chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính thông qua cơ quan đăng ký phương tiện, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ quan có liên quan;

b) Gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính hoặc đến trụ sở Công an cấp huyện nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP. Việc gửi thông báo vi phạm được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc bằng phương thức điện tử (khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin).

2. Khi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến cơ quan Công an để giải quyết vụ việc vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tiến hành giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

Điều 19. Thu thập, sử dụng dữ liệu (thông tin, hình ảnh) thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

Quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu (thông tin, hình ảnh) thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và quy định sau đây:

1. Đơn vị Cảnh sát giao thông thực hiện tiếp nhận, thu thập dữ liệu (thông tin, hình ảnh) gồm:

- a) Phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt;
- b) Phòng Cảnh sát giao thông;
- c) Đội Cảnh sát giao thông - trật tự thuộc Công an cấp huyện.

2. Đơn vị Cảnh sát giao thông quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm, địa chỉ bưu chính, hộp thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, số điện thoại đường dây nóng của đơn vị để cá nhân, tổ chức biết cung cấp; tổ chức trực ban 24/24 giờ để tiếp nhận, thu thập dữ liệu (thông tin, hình ảnh).

3. Cán bộ Cảnh sát giao thông khi tiếp nhận, thu thập được dữ liệu (thông tin, hình ảnh) phải xem xét, phân loại, nếu bảo đảm yêu cầu quy định thì ghi chép vào sổ theo dõi và báo cáo Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền thực hiện như sau:

a) Trường hợp dữ liệu (thông tin, hình ảnh) phản ánh hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường sắt đang diễn ra trên tuyến, địa bàn phụ trách thì tổ chức lực lượng kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm. Trường hợp hành vi vi phạm được phản ánh đã kết thúc thì thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp không thuộc tuyến, địa bàn phụ trách của đơn vị thì thông báo cho đơn vị Cảnh sát giao thông có thẩm quyền thực hiện biện pháp xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ kết quả xác minh quy định tại khoản 3 Điều này, Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ việc thực hiện gửi thông báo và mời chủ phương tiện, cá nhân, tổ chức bị phản ánh đến trụ sở cơ quan Công an đã gửi thông báo để làm rõ vụ việc.

Điều 20. Phối hợp, tiếp nhận kết quả thu được từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, kinh doanh vận tải cung cấp

1. Đơn vị Cảnh sát giao thông được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, theo tuyến, địa bàn phụ trách phối hợp với các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, kinh doanh vận tải để thực hiện:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu camera quản lý, điều hành giao thông, thiết bị giám sát hành trình, camera lắp trên phương tiện kinh doanh vận tải của tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, kinh doanh vận tải để phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và đấu tranh phòng, chống tội phạm hoạt động trên tuyến giao thông theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật (thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe, thiết bị ghi âm và ghi hình, hệ thống camera điều hành giao thông, camera lắp trên phương tiện kinh doanh vận tải) theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP, để xác định vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt. Sau khi tiếp nhận kết quả, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 và Điều 18 Thông tư này (người vi phạm đến cơ quan Công an đã gửi thông báo để giải quyết, xử lý vụ việc).

2. Các phương tiện, thiết bị kỹ thuật quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

3. Khi tiếp nhận kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của các phương tiện, thiết bị kỹ thuật), phải được ghi chép vào sổ theo dõi, ký giao nhận và lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư số 32/2018/TT-BCA ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, nội dung kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt của lực lượng Cảnh sát giao thông hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu trong Thông tư này cũng được điều chỉnh và thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương thi hành Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C08 (P6). MT 150b.



Đại tướng Lương Tam Quang